

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CƯ KUIN  
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2024/HNGĐ-ST  
Ngày 13-3-2024  
V/v: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN, TỈNH ĐẮK LẮK

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Lê Quốc Định

- **Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Nguyễn Thế Vinh;

2. Bà Hoàng Thị Trang;

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Thanh Loan, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin tham gia phiên tòa:** Bà Lê Trịnh Xuân Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 01/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2024, về việc: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

\* **Nguyên đơn:** Bà Trương Thị S, sinh năm 1996. Địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

\* **Bị đơn:** Ông Trương Ngọc H, sinh năm 1994. Địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

(Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai của nguyên đơn bà Trương Thị S trình bày:

Bà Trương Thị S (nguyên đơn) và ông Trương Ngọc H (bị đơn) kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 27/5/2020. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại Thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Qua quá trình chung sống với nhau

được một thời gian ngắn thì vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách và quan điểm vợ chồng không hợp nhau, cuộc sống không hạnh phúc, không tìm được tiếng nói chung. Nay nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, không có tình yêu thương, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bị đơn.

Về con chung: Quá trình chung sống nguyên đơn với bị đơn có 01 con chung là cháu Trương Ngọc Kim N, sinh ngày 16/5/2021, hiện tại cháu đang ở với nguyên đơn. Sau khi ly hôn nguyên đơn có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N cho đến khi đủ tuổi thành niên. Về cấp dưỡng nuôi con nguyên đơn không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản và nợ chung không có nên nguyên đơn không yêu cầu giải quyết.

*Theo biên bản lấy lời khai quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Trương Ngọc H trình bày:*

Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn như nguyên đơn trình bày là đúng. Quá trình chung sống, vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì nhưng tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì bị đơn đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Đồng ý với ý kiến của nguyên đơn.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc ly hôn với bị đơn. Về con chung giao cháu Trương Ngọc Kim N, sinh ngày 16/5/2021 cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi đủ tuổi thành niên. Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản và nợ chung đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và việc nuôi con chung với bị đơn nên đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do bị đơn ông Trương Ngọc H có địa chỉ nơi cư trú tại Thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin. Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để thụ lý, giải quyết xét xử vắng mặt tất cả đương sự là đúng với quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn xác lập quan hệ hôn nhân với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 27/5/2020 nên quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp và được pháp luật công nhận. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống với nhau, bị đơn và nguyên đơn thường cãi vã, không tìm được tiếng nói chung. Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận vợ chồng không còn tình cảm với nhau, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và thống nhất ly hôn với nhau. Vì vậy, căn cứ tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn của các đương sự.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Quá trình chung sống nguyên đơn và bị đơn có 01 con chung là cháu Trương Ngọc Kim N, sinh ngày 16/5/2021, hiện tại cháu đang ở với nguyên đơn. Nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất sau khi ly hôn giao con chung cho nguyên đơn nuôi dưỡng cho đến khi đủ tuổi thành niên. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao con chung là cháu Trương Ngọc Kim N cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi đủ tuổi thành niên. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị đơn không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 144, 147, 227, 228, 235, 238, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, Điều 55, các Điều 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 khoản 2 Điều 47 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trương Thị S và Ông Trương Ngọc H.

2. Về con chung: Giao cháu Trương Ngọc Kim N, sinh ngày 16/5/2021 cho bà Trương Thị S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi đủ tuổi thành niên.

Vì lợi ích của con và theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà

không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về tài sản và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

5. Về án phí: Bà Trương Thị S phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2021/0017900 ngày 28/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Ông Trương Ngọc H không phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

***Nơi nhận:***

- P. Kiểm tra - TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã E;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Quốc Định**